

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/4/2024

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Soroles và ông Huỳnh Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 474/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/11/2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HN ngày 13 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST-HN ngày 04 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hồ Văn T, sinh năm 1993; Địa chỉ: tổ 5, khóm H, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

Bị đơn: Chị Ngô Thị N, sinh năm 1999; Địa chỉ: tổ 5, khóm H, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hồ Văn T trình bày: Năm 2018, anh T và chị Ngô Thị N do mai mối được cha mẹ đôi bên chấp thuận, tổ chức đám cưới ngày 03/01/2018, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Châu, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 09/10/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T và chị N đi làm thuê ở tỉnh Long An. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung với nhau êm ấm, hạnh phúc đến khoảng tháng 10/2019, cuộc sống chung không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống xa nhau từ tháng 10/2019 đến nay. Sau khi sống xa nhau, anh T đã nhiều lần điện thoại cho N để hàn gắn tình cảm, nhưng

không được. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung được. Anh T xin ly hôn với chị N.

Về con chung, nợ chung và nợ chung: Không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 804/TB-TLVA ngày 13/11/2023; Các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 708/TB-TA ngày 14/12/2023 và số 31/TB-TA ngày 16/01/2024 và các văn bản tố tụng khác cho bà Ngô Thị N, nhưng không thực hiện được việc cấp tổng đạt, do đương sự vắng mặt tại địa phương. Tòa án đã thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của bà N.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ: Xác minh nơi cư trú tại Công an phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Xác minh mối quan hệ hôn nhân và gia đình, ly hôn tại khóm Long Châu, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, cụ thể:

- Công an phường Long Châu cung cấp: Chị Ngô Thị N, sinh năm 1999 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 5, khóm H, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang, chung hộ bà Nguyễn Thị Ng (mẹ của chị N). Hiện nay, bà N vắng mặt ở địa phương.

- Ban khóm Long Châu cung cấp: Anh Hồ Văn T và chị Ngô Thị N là vợ chồng, có đăng ký thường trú tại khóm Long Châu, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Vợ chồng anh T, chị N không thường xuyên sinh sống tại địa phương từ năm 2019 cho đến nay. Mẫu thuẫn của vợ chồng anh T, chị N như thế nào địa phương không biết. Vợ chồng anh T và chị N không có con chung.

Tại phiên tòa, anh T kiên quyết yêu cầu ly hôn với chị N. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn vắng mặt tại các buổi họp và làm việc của Tòa án.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hồ Văn T với Ngô Thị N.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí*: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Anh Hồ Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Ngô Thị N. Chị N có nơi cư trú tại khóm Long Châu, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Chị Ngô Thị N được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị N do mai mối được cha mẹ đôi bên chấp thuận, tổ chức đám cưới vào ngày 03/01/2018, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Châu, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 09/10/2018 phù hợp Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa anh T và chị N là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Anh T khai, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng của vợ chồng sống chung với nhau êm ấm, hạnh phúc. Khoảng tháng 10/2019, cuộc sống chung không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống xa nhau từ tháng 10/2019 đến nay. Anh T yêu cầu ly hôn với chị N.

Theo kết quả xác minh tại ban khóm Long Châu, phường Long Châu, thị xã Tân Châu: Vợ chồng anh T và chị N không thường xuyên sinh sống tại địa phương từ năm 2019 cho đến nay.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho anh T và chị N hàn gắn tình cảm, nhưng chị N vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tình trạng vợ chồng anh T và chị N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững.

Xét, cho anh T ly hôn với chị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh T khai, không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí, anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp. Anh Tín không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Văn T.

Anh Hồ Văn T được ly hôn với chị Ngô Thị N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 70 do Ủy ban nhân dân phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp ngày 09 tháng 10 năm 2018 cho anh Hồ Văn T và chị Ngô Thị N không còn giá trị pháp lý.

[2] *Về án phí:*

Anh Hồ Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007099 ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Chị Ngô Thị N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3] *Về quyền kháng cáo:* Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của chị N là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- VKSND TX. Tân Châu (02);
- Chi cục THADS TX. Tân Châu (01);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bạch Tuyết